| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 1**<br>**TỈNH AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 62/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 21-5-2026
V/v tranh chấp ly hôn, giải quyết việc nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phan Thị Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Việt Hùng

2. Bà Trần Lệ Nga

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Ngọc Mùi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - An Giang*** *tham gia phiên toà:* Ông Lý Minh Phúc – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp ly hôn, giải quyết việc nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 115/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1990. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số C khu phố V, phường R, tỉnh An Giang.

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1991. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số C khu phố V, phường R, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 28/10/2025 và trong quá trình giải quyết vụ nguyên đơn Trần Thị H trình bày:*

Vào năm 2016 chị và anh Nguyễn Văn V tự nguyện quen biết yêu thương nhau và chung sống với nhau, chị và anh V có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy

ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (cũ) vào ngày 03/3/2016. Trong quá trình chung sống chị và anh V có 02 người con chung tên Nguyễn Trần Anh T, sinh ngày 23/02/2016 và Nguyễn Trần Tú A, sinh ngày 02/10/2021, hiện các con đang sống cùng chị H. Về tài sản chung và nợ chung thì không có.

Chị H xác nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2024 thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn với nhau, lý do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, không hợp nhau, anh V thường xuyên nhậu nhẹt, chơi bời, không lo cho vợ con, quen nhiều người con gái khác, tình trạng hôn nhân ngày càng căng thẳng và trầm trọng nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt nên chị và anh V đã ly thân từ đó cho đến nay.

Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Toà án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Xin được ly hôn cùng anh Nguyễn Văn V.

Về việc nuôi con chung: Chị H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và cháu Tú A cho đến khi các con trưởng thành và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Nguyễn Văn V:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh V, anh V biết việc chị H yêu cầu khởi kiện ly hôn nhưng anh V vẫn cố tình vắng mặt tại Toà, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh V đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị H đối với bị đơn chị Nguyễn Văn V.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị H yêu cầu ly hôn với anh V. Xét thấy đây là tranh chấp về ly hôn, giải quyết việc nuôi con, bị đơn anh V có nơi cư trú tại số C khu phố V, phường R, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 1 Luật số

85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải đối thoại tại Toà án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho chị H và anh V nhưng anh V vắng mặt tại phiên tòa và không có lý do chính đáng, riêng chị H có đơn xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh V theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh V chung sống với nhau vào năm 2016 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (cũ) vào ngày 03/3/2016, do đó hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Thời gian đầu chung sống với nhau, chị H và anh V chung sống hạnh phúc, nhưng từ đến đầu năm 2024 giữa anh chị bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và không hòa hợp, mâu thuẫn trầm trọng không hàn gắn được nên anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay, chị H và anh V không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành giải thích pháp luật và động viên chị H đoàn tụ gia đình, nhưng chị H vẫn kiên quyết ly hôn với anh V. Đồng thời Tòa án cũng tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh V nhiều lần nhưng anh V không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, điều này chứng tỏ anh V cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị H.

Qua đó cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh V đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị H yêu cầu được ly hôn với anh V là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Toà án chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh V.

[5] Về việc nuôi con chung:

Quá trình chung sống với nhau, chị H và anh V có 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Trần Anh T, sinh ngày 23/02/2016 và Nguyễn Trần Tú A, sinh ngày 02/10/2021. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc các con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Xét yêu cầu trên của chị H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi chị H và anh V ly thân đến nay, cháu T và cháu Tú A vẫn do chị H chăm sóc và nuôi dưỡng, chị H cũng đảm bảo về mặt vật chất và tình thần cho các cháu, hơn nữa căn cứ

vào bản trình bày nguyện vọng ngày 28/01/2026 và biên bản lấy lời khai ngày 28/01/2026 thì cháu T có nguyện vọng sống cùng chị H, nguyện vọng của cháu T cũng phù hợp với yêu cầu của chị H. Do vậy, Hội đồng xét xử xét nên giao cháu T và cháu Tú A cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình và cũng đảm bảo được tinh thần ổn định cho các cháu. Anh V được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, anh V vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh V về phần tài sản và nợ chung giữa chị H và anh V. Mặt khác, tại Toà án chị H xác nhận trong thời gian chung sống cùng anh V, anh chị không có tài sản chung cũng như không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[8] Về án phí: Nguyên đơn chị H yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51, khoản 1, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 35, 39 và Điều 40; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải đối thoại tại Toà án.

***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị H ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Anh T, sinh ngày 23/02/2016 và Nguyễn Trần Tú A, sinh ngày 02/10/2021 cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T và cháu Tú A đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn V được quyền trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Văn V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng nhưng chị H được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012150 ngày 18/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, chị H không phải nộp thêm.

**6.** Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND khu vực 1 – An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND phường Vĩnh Hiệp, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (Nay là UBND phường Rạch Giá, tỉnh An Giang);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phan Thị Quyên**